

**TÌM HIỂU THÁI ĐỘ CỦA SINH VIÊN ĐỐI VỚI  
VIỆC HỌC TIẾNG ANH VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TRÊN LỚP**  
INVESTIGATING UNIVERSITY STUDENTS' ATTITUDE  
TOWARDS ENGLISH LEARNING AND CLASSROOM ACTIVITIES

**Đặng Thị Vân Anh**

Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật TP.HCM

Ngày tòa soạn nhận được bài 28/7/2014, ngày phân biên đánh giá 22/8/2014, ngày chấp nhận đăng 14/11/2014

**TÓM TẮT**

*Thái độ và động cơ học tập đóng vai trò rất quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến việc dạy và học của giáo viên và sinh viên. Bài báo thể hiện kết quả khảo sát nhằm tìm hiểu ảnh hưởng của thái độ và động cơ học tiếng Anh của sinh viên các ngành kỹ thuật được thực hiện tại trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. Ý kiến của sinh viên và giáo viên được thu thập nhằm xác định động cơ học tập của sinh viên khi học tiếng Anh, đồng thời tìm hiểu mong muốn của các em khi tham gia các hoạt động học tiếng Anh trên lớp. Kết quả phân tích dữ liệu cho thấy hầu hết sinh viên có thái độ tích cực đối với việc học tiếng Anh, có mục tiêu và động cơ học khá rõ ràng. Kết quả này có thể giúp giáo viên và nhà trường có những điều chỉnh phù hợp về mặt phương pháp, giáo trình và chương trình học nhằm nâng cao năng lực tiếng Anh của sinh viên.*

**Từ khóa:** Động cơ học tập, hoạt động học trên lớp, kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ.

**ABSTRACT**

*Learners' attitude and motivation greatly contribute to the success of a course. This article reports the result of a study on attitude and motivation of non-English majors conducted at University of Technical Education, Ho Chi Minh City. The research was to identify students' attitude and motivation in English classes as well as their opinions on classroom activities. Findings from data collected through questionnaires for both students and English teachers are expected to help teachers and those in charge have better understanding of learners' motivation and expectation so that proper changes in the curriculum, syllabi, textbooks, teaching methods and so on can be made to improve the quality of teaching and learning English in tertiary education.*

**Key words:** Motivation, motivational strategies, classroom activities, language skills, language knowledge.

Hiện nay, nhằm nâng cao hiệu quả việc dạy ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng, trên thế giới có khá nhiều nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến việc học ngoại ngữ, bao gồm động cơ, thái độ và phương pháp học của người học, tài liệu, giáo trình, cách kiểm tra - đánh giá, phương pháp giảng dạy của giáo viên, điều kiện học tập, thời lượng... Tại Việt Nam trong thời gian qua, vấn đề chất lượng dạy và học tiếng Anh ở bậc đại học nhận được khá nhiều sự quan tâm của dư luận, sự phân tích, đánh giá của nhiều chuyên gia và những

người làm giáo dục. Một nghiên cứu của nhóm nghiên cứu thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội chỉ ra rằng việc xác định mục tiêu, động cơ học tập của sinh viên cũng ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng học tiếng Anh ở bậc đại học (Hoàng, 2008). Từ đó cho thấy việc tìm hiểu về mục tiêu, động cơ, thái độ của người học đối với môn học là hết sức cần thiết, nhằm giúp giáo viên đáp ứng nhu cầu của sinh viên hơn trong quá trình giảng dạy, hướng đến cách tiếp cận “lấy người học làm trung tâm”, và từng bước cải thiện chất lượng học tiếng Anh trong trường đại học.

## I. TỔNG QUAN LÝ THUYẾT

### 1. Động cơ học tập

#### *Định nghĩa và vai trò*

Theo Gardner (1985: 93) thái độ học tập được xem như là sự phản ánh niềm tin của người học đối với môi trường, điều kiện học tập và động cơ học tập là sự tổng hòa của ba thang đo: mức độ của động cơ (motivational intensity), mong muốn (desire) và thái độ (attitude). Như vậy, thái độ học tập được xem như một phần của thang đo động cơ. Theo Harmer (2007: 98) “Động cơ học tập là sự thúc đẩy từ bên trong khiến một người cố gắng đạt được những thứ người đó mong muốn”. Cụ thể hơn, Gardner (1985:10) cho rằng động cơ học ngoại ngữ là mức độ một cá nhân cố gắng để học một ngôn ngữ vì mong muốn được học ngôn ngữ đó và vì cảm giác thỏa mãn khi đạt được mong

muốn đó.

Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng chính thái độ và động cơ học tập đóng vai trò quyết định trong việc lựa chọn chiến thuật học cũng như kết quả học tập của người học ngoại ngữ (Dörnyei, 2001; Gardner, 2007; Kaboody, 2013; Schmidt and Wantabe, 2001). Từ đó, Dörnyei (2001:2) khẳng định rằng “động cơ học tập đóng vai trò hết sức quan trọng đến sự thành công hay thất bại của sự học và nếu không có một động cơ học đủ mạnh, ngay cả một học viên thông minh nhất cũng khó duy trì việc học một ngôn ngữ rất phổ biến”.

#### *Phân loại*

Các loại động cơ học tập nói chung và động cơ học ngoại ngữ được thể hiện trong bảng dưới đây.

**Bảng 1:** Phân loại động cơ học tập

Tác giả	Phân loại
Harmer (2007)	Động cơ bên trong: sự yêu thích, mong muốn lĩnh hội tri thức, phát triển bản thân... Động cơ bên ngoài: thi đậu, kiếm nhiều tiền, thăng chức... Động cơ bên trong quan trọng hơn động cơ bên ngoài
Richards, Platt và Webber (1985)	Động cơ công cụ: thi đậu, kiếm việc, đọc báo... Động cơ hòa nhập: giao tiếp với người nước ngoài, tìm hiểu nền văn hóa khác
Garner (2007)	Động cơ học ngôn ngữ nói chung: áp dụng trong nhiều hoàn cảnh, điều kiện khác nhau Động cơ học tập trong lớp: phụ thuộc giáo viên, không khí lớp, nội dung khóa học, tài liệu học tập, trang thiết bị....

### 2. Chiến thuật phát triển động cơ học tập

Như đã bàn luận ở trên, động cơ học tập là một yếu tố quan trọng trong thành công của người học và một số khía cạnh của động cơ chịu ảnh hưởng của không ít các điều kiện bên ngoài. Chính vì vậy kỹ năng tạo động cơ học tập cho người học của giáo viên nên được xem như một phần của năng lực sư phạm và cần được phát triển và thường xuyên trau dồi (Dörnyei, 1998; Kaboody, 2013). Nhiều nghiên cứu

thực nghiệm đã được tiến hành nhằm xác định được cách các giáo viên có thể tác động đến động cơ học tập của người học. Dörnyei và Csizer (1998) đã đưa ra được 10 lời khuyên cho các giáo viên muốn nâng cao động cơ học của người học, bao gồm: (1) nêu gương hành vi, (2) tạo môi trường học thoải mái, dễ chịu, (3) trình bày dễ hiểu, (4) thiết lập mối quan hệ tốt với người học, (5) giúp người học tự tin hơn, (6) đảm bảo giờ học phải sinh động, thú

vị, (7) nâng cao tính tự giác của người học, (8) cá nhân hóa quá trình học, (9) nâng cao mục tiêu của người học, và (10) giúp người học làm quen với nền văn hóa sử dụng ngôn ngữ họ đang học.

Oxford và Shearin (1994) cũng đã đưa ra 5 đề nghị nhấn mạnh đến vai trò của giáo viên trong việc nâng cao động cơ cho người học ngoại ngữ. Theo họ, giáo viên nên (1) tìm được lý do học tiếng ngoại ngữ của người học, (2) giúp người học xây dựng mục tiêu học tập phù hợp, (3) cho người học thấy được lợi ích của việc học ngoại ngữ, (4) tạo ra môi trường học an toàn, cởi mở, thoải mái, dễ chịu, và (5) khuyến khích người học phát triển động cơ học từ bên trong.

Các nghiên cứu trên đều cho thấy rằng các yếu tố phát triển động cơ học tập liên quan đến giáo viên có thể được chia làm 3 nhóm: (1) tài liệu và phương pháp giảng dạy, (2) tính cách của giáo viên, và (3) cách giáo viên tương tác với người học (Kaboody, 2013: 48).

## II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu nhằm trả lời các câu hỏi sau:

1. Sinh viên có xác định được mục tiêu học tiếng Anh không?
2. Các em muốn phát triển kỹ năng/ kiến thức ngôn ngữ nào thông qua những hoạt động học trên lớp?
3. Các em đánh giá thế nào về các hoạt động học tiếng Anh trên lớp?

Nghiên cứu được thực hiện trên 550 sinh viên (467 nam và 83 nữ) các ngành kỹ thuật tại trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, và đa số các em đang học

năm thứ nhất và thứ hai (85.04%). Ngoài ra, nghiên cứu còn khảo sát ý kiến của 24 giáo viên dạy tiếng Anh cho khối không chuyên ngữ tại trường nhằm hỗ trợ trả lời các vấn đề có liên quan.

Dữ liệu được thu thập thông qua việc trả lời bảng câu hỏi của các đối tượng tham gia và sau đó được phân tích bằng các tính năng thống kê mô tả của phần mềm Microsoft Excel.

## III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kết quả nghiên cứu dưới đây thể hiện kết quả phân tích dữ liệu từ bảng khảo sát phát cho sinh viên và giáo viên tiếng Anh tại trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh.

Thống kê cho thấy đa số sinh viên hiểu rõ tầm quan trọng của tiếng Anh thông qua việc các em xác định được mục đích học tiếng Anh của bản thân. Bảng 2 cho thấy phần lớn các em có động cơ công cụ (instrumental motivation) khi xác định mục đích học rất rõ ràng là để được làm việc cho các công ty nước ngoài hoặc đọc sách, tài liệu. Ngoài ra, cũng cần lưu ý rằng mặc dù các em đang sống trong môi trường không nói tiếng Anh nhưng các em vẫn có động cơ hòa nhập (giao tiếp với người nước ngoài, xem TV, nghe nhạc....) (Richards, Platt và Webber, 1985: 185). Đây là điểm các giáo viên cần lưu ý khi thực hiện các chiến thuật tạo động cơ học tập như nâng cao tính tự giác của người học, cá nhân hóa quá trình học, nâng cao mục tiêu của người học, và giúp người học làm quen với nền văn hóa sử dụng ngôn ngữ họ đang học (Dörnyei và Csizer, 1998).

**Bảng 2:** Mục đích sử dụng tiếng Anh trong tương lai của sinh viên

Mục đích học tiếng Anh	Số sinh viên	Tỷ lệ %
Làm việc cho công ty nước ngoài	424	77.09
Giao tiếp với người nước ngoài (ngoài công việc)	379	68.91
Đọc sách báo và tài liệu	314	57.09

Xem TV, xem phim, nghe nhạc, nghe tin tức	246	48.00
Học lên cao	234	42.55
Du lịch nước ngoài	298	36.00
Khác	127	23.18
Định cư ở nước ngoài	61	11.09

Khi đánh giá về tầm quan trọng của các kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ, đa số các sinh viên tham gia khảo sát đều cho rằng kỹ năng nghe và từ vựng là quan trọng nhất và kế đến là kỹ năng nói. Kỹ năng viết được cho là ít

quan trọng nhất, theo sau là phần phát âm. Chính vì vậy mà các em cũng mong muốn được phát triển kỹ năng nghe, nói và từ vựng hơn các mảng còn lại (Bảng 3).

**Bảng 3:** Mong muốn phát triển kỹ năng/ kiến thức ngôn ngữ của sinh viên

	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Từ vựng	Ngữ pháp	Phát âm
<b>Mode</b>	1	1	7	7	1	7	7
<b>Median</b>	2	2	5	5.5	4	5	5

Với nhận thức và mong muốn như trên, ta thấy rằng sinh viên có động cơ học rất cụ thể và thông qua việc thực hiện tất cả các chiến thuật phát triển động cơ học tập của Dörnyei và Csizer (1998), giáo viên có thể dễ dàng giúp các em nâng cao năng lực ngôn ngữ như kỳ vọng.

Để tìm hiểu thêm về nguyên nhân tại sao sinh viên lại mong muốn như trên, các em được yêu cầu đánh giá năng lực tiếng Anh của bản thân. Bảng 4 cho thấy trên 50% sinh viên được khảo sát nghĩ rằng mình còn yếu hai kỹ năng nghe

và nói. Ngoài ra, dù kỹ năng viết và kiến thức về ngữ âm không được đánh giá cao nhưng đây cũng là hai mảng khiến sinh viên thiếu tự tin về năng lực ngôn ngữ của mình khi có gần 50% sinh viên cho rằng mình yếu và rất yếu. Nhìn chung, sinh viên có vẻ không tự tin về năng lực ngôn ngữ của mình dù gần 80% sinh viên được khảo sát đang học các học phần Anh văn 2 và Anh văn 3 của chương trình đào tạo bao gồm 3 học phần tiếng Anh dành cho sinh viên khối không chuyên ngữ

**Bảng 4:** Tự đánh giá năng lực tiếng Anh của bản thân

	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ngữ pháp	Từ vựng	Phát âm
<b>Rất tốt</b>	0.73%	0.73%	1.28%	1.82%	0.91%	1.09%	0.73%
<b>Tốt</b>	2.74%	3.64%	8.74%	4.55%	7.65%	3.64%	5.27%
<b>Tạm được</b>	34.85%	45.45%	59.74%	45.09%	52.64%	50.18%	47.45%
<b>Yếu</b>	<b>44.34%</b>	<b>39.27%</b>	22.22%	<b>38.18%</b>	28.60%	36.00%	<b>32.36%</b>
<b>Rất yếu</b>	<b>17.34%</b>	<b>10.91%</b>	8.01%	<b>10.36%</b>	10.20%	9.09%	<b>14.18%</b>
<b>Tổng</b>	548	550	549	550	549	550	550
	99.64%	100.00%	99.82%	100.00%	99.82%	100.00%	100.00%

Để giải thích cho vấn đề này ta có thể xem xét thời lượng sinh viên dành cho việc tự học tiếng Anh tại nhà, nhận xét của giáo viên thái độ học của các em trên lớp và nội dung các hoạt động học trên lớp.

Theo qui định và kỳ vọng của giáo viên, sinh viên phải tự học với thời lượng gấp đôi giờ học trên lớp, tức là các em phải học trên lớp 3 giờ/ tuần và tự học khoảng 6 giờ/ tuần. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy có tới 56.39% sinh viên dành ít hơn 3 giờ/ tuần, 36.31% sinh viên dành từ 3 đến 6 giờ/ tuần và chỉ có 7.30% sinh viên dành nhiều hơn 6 giờ/ tuần cho việc tự học tiếng Anh tại nhà. Với thời lượng học ít ỏi như trên, việc các em cảm thấy không tự tin với năng lực ngoại ngữ của mình cũng là điều dễ hiểu.

Ngoài ra, 15/24 giáo viên được khảo sát cho rằng các em không được tích cực lắm trong giờ học tiếng Anh. Theo họ, chưa đến 50% sinh viên trong lớp tham gia tích cực vào các hoạt động học trên lớp và các sinh viên chỉ tích cực tham gia các hoạt động liên quan đến từ vựng và ngữ pháp mà ít quan tâm đến các hoạt động luyện nghe trên lớp. Bên cạnh đó, các giáo viên được khảo sát cũng thừa nhận rằng họ đã tập trung nhiều vào việc phát triển kỹ năng đọc, ngữ pháp và từ vựng hơn các mảng khác của kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ. Tương tự vậy, các sinh viên được khảo sát đồng ý rằng các hoạt động trên lớp của giáo viên chủ yếu là rèn luyện từ vựng (57.09%) và ngữ pháp (87.64%).

Nhằm định hướng tốt cho các hoạt động giảng dạy và các chiến thuật phát triển động cơ học tập của giáo viên, việc tìm hiểu và phân tích nhu cầu của người học là hết sức cần thiết (Richards, 2001). Các sinh viên tham gia khảo

sát cho biết, các em thích được học dưới hình thức thảo luận cặp hoặc nhóm (66.91%), chơi các trò chơi có liên quan đến nội dung bài học (63.09%) và làm các bài tập về từ vựng và ngữ pháp (58.36%). Đáng lưu ý là khá ít sinh viên (22.73%) thích các hoạt động đóng kịch/ phân vai trong khi đây là một hoạt động mô phỏng môi trường giao tiếp thật, nhằm nâng cao kỹ năng giao tiếp cho người học và được nhiều nghiên cứu chứng minh rằng có hiệu quả cao đối với việc học ngoại ngữ. Ngoài ra có một số sinh viên đề nghị được học tiếng Anh thông qua việc nghe nhạc và xem phim trên lớp.

Năng lực giảng dạy và vai trò của giáo viên trong việc giúp người học xây dựng được mục tiêu và chiến thuật học phù hợp được xem là hết sức quan trọng vì mục tiêu học tập dù luôn quan trọng hơn nhưng hình thức học sẽ giúp sinh viên có thêm động cơ học tập (Gardner, 2007). Theo các em, các giáo viên đã thường xuyên tổ chức các hoạt động thảo luận nhóm (68.91%) và cho làm nhiều bài tập từ vựng và ngữ pháp (72%) như mong muốn của các em. Tuy nhiên, chỉ có 30.73% sinh viên cho rằng các giáo viên đã tổ chức các trò chơi trong quá trình học và thay vào đó, có tới 62.36% các em báo rằng một trong những hoạt động trên lớp mà các em thường thực hiện là nghe giảng và ghi chép. Rõ ràng đây là điểm cần lưu ý bởi mục tiêu học ngoại ngữ là để giao tiếp và việc sinh viên ngồi lắng nghe và ghi chép trong giờ học tiếng Anh là hoàn toàn không phù hợp.

Để tìm hiểu thêm, giáo viên được yêu cầu đánh giá các khó khăn trong quá trình giảng dạy khiến họ lựa chọn những hoạt động chưa phù hợp với nguyện vọng của sinh viên và với việc dạy môn tiếng Anh tại trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật.

**Bảng 5:** Khó khăn của giáo viên tiếng Anh

	Mode	Mean	Median
Trang thiết bị	1	2.25	2
Cách học của sinh viên	2	2.54	2
Giáo trình	2	3.13	2
Sĩ số lớp	1	3.17	3
Thái độ của sinh viên	4	3.54	4
Việc kiểm tra, đánh giá	4	4.67	5

Bảng 5 cho thấy rằng trang thiết bị dạy học, giáo trình, cách học của sinh viên, sĩ số lớp, thái độ học của sinh viên và việc kiểm tra đánh giá lần lượt là những nguyên nhân gây nhiều khó khăn cho việc dạy của giáo viên, khiến họ chưa triển khai tốt hoặc chưa sử dụng tốt các hoạt động có thể giúp nâng cao động cơ học cho sinh viên. Ngoài ra, sự chênh lệch về thời lượng và khối lượng kiến thức cần dạy cũng được giáo viên đề cập khi trả lời câu hỏi mở trong bảng hỏi. Điều này cho thấy rằng, giáo viên đã phải đối mặt với quá nhiều khó khăn, buộc họ phải lựa chọn các hoạt động dạy hiệu quả nhất và tiện nhất trong điều kiện giảng dạy như trên. Điều đáng mừng là thái độ học của sinh viên không phải là khó khăn lớn nhất mà giáo viên gặp phải, cho thấy rằng nếu như có những thay đổi phù hợp từ giáo viên và điều kiện dạy và học, hiệu quả của việc học tiếng Anh tại trường đại học có thể được nâng lên đáng kể.

Khi được hỏi về các đề xuất cho việc giảng dạy tiếng Anh tại trường, có gần 100 sinh viên đã đề xuất các thay đổi để các em có thể học tiếng Anh tốt hơn. Điều này một lần nữa khẳng định sự quan tâm của các em đến việc học tiếng Anh tại trường, là điều kiện thuận lợi cho những thay đổi cần thiết phát huy hiệu quả. Trong số các đề xuất của sinh viên, những thay đổi được nhiều sinh viên đề nghị nhất bao gồm: tăng thời lượng học tiếng Anh trên lớp hoặc tăng thêm số học phần tiếng Anh; giảm áp lực thi cử; tăng các hoạt động phát triển kỹ năng nghe, nói và luyện phát âm; đa dạng hóa các hoạt động trên lớp, tập trung phát triển kỹ năng; hạn chế giải bài tập hoặc học ngữ pháp trên lớp; học hoặc giao lưu với giáo viên nước ngoài hoặc người bản ngữ; giáo viên sử dụng tiếng Anh trong lớp nhiều hơn....

#### **IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

##### **1. Kết luận**

Về cơ bản, nghiên cứu đã trả lời được các câu hỏi đặt ra. Rõ ràng, sinh viên trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh hiểu rõ vai trò của tiếng Anh trong xã hội ngày nay, hiểu mình muốn gì và năng lực tiếng Anh

của mình ở đâu. Với những hiểu biết đó, các em có thể tự xác định được mục tiêu học và bắt đầu học tiếng Anh với những động cơ công cụ và động cơ học ngôn ngữ nói chung. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy các kỹ năng/ kiến thức ngôn ngữ sinh viên muốn phát triển cùng với các hoạt động học yêu thích trong lớp có thể giúp các em học tiếng Anh hứng thú và hiệu quả hơn. Từ những ý kiến của các em, nhà trường và giáo viên cần cân nhắc và có những thay đổi phù hợp để việc học tiếng Anh ở trường đại học không trở nên nhàm chán, vô bổ hoặc là một gánh nặng không cần thiết. Ngoài ra, nghiên cứu cũng cho thấy rằng các hoạt động trên lớp của giáo viên còn chưa đa dạng, tập trung nhiều vào việc nâng cao kiến thức ngôn ngữ và chưa chú trọng đúng mức đến rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ và đặc biệt là chưa đáp ứng được kỳ vọng của sinh viên. Điều này cũng cho thấy giáo viên chưa quan tâm đúng mức đến việc phân tích nhu cầu của sinh viên và việc sử dụng các chiến thuật phát triển động cơ học tập cho sinh viên trong quá trình giảng dạy.

##### **2. Kiến nghị**

Dựa trên các kết quả khảo sát, chúng tôi đề xuất những kiến nghị sau nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ tại các trường đại học.

Trước hết, các trường đại học nên tổ chức phân loại năng lực tiếng Anh của sinh viên trước khi bắt đầu học tiếng Anh nhằm giúp các sinh viên được học đúng trình độ của mình, tiết kiệm thời gian, tiền bạc và công sức của các em, đồng thời giúp giáo viên dễ dàng tổ chức tốt các hoạt động giảng dạy. Ngoài ra, thời lượng học tiếng Anh trên lớp cần được điều chỉnh cho phù hợp hơn, dựa trên khoảng cách giữa năng lực của sinh viên và chuẩn đầu ra của từng trường. Bên cạnh đó, các trường nên cân nhắc việc bố trí sĩ số cho các lớp tiếng Anh một cách hợp lý nhằm tạo điều kiện cho giáo viên tổ chức tốt các hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp. Bên cạnh đó, giáo viên tiếng Anh nên tìm hiểu và phân tích nhu cầu của sinh viên trong lớp mình phụ trách vào

đầu mỗi khóa học, từ đó xây dựng và sử dụng hiệu quả các chiến thuật nâng cao động cơ học cho từng nhóm sinh viên cụ thể. Đồng thời, giáo viên cần thường xuyên cho sinh viên thấy được ý nghĩa của việc học tiếng Anh thông qua các hoạt động học phù hợp. Việc hiểu rõ ý nghĩa và hiệu quả của việc học giúp sinh viên

duy trì động cơ học tập trong suốt khóa học. Việc xây dựng mối quan hệ tốt với sinh viên có thể giúp giáo viên hiểu rõ về mục tiêu, sở thích, cách học... của các em, từ đó có những điều chỉnh phù hợp hơn trong quá trình giảng dạy.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Dörnyei, Z. (1998). Motivation in second and foreign language learning. *Language Teaching*, 31, pp 117-135
2. Dörnyei, Z. (2001). *Motivational strategies in the language classroom*. Cambridge: Cambridge University Press.
3. Dörnyei, Z., & Csizer, K. (1998). Ten commandments for motivating language learners: Results of an empirical study. *Language Teaching Research*, 2, 203-229.
4. Gardner, C. R. (1985). *Social psychology and second language learning: The role of attitudes and motivation*. London: Edward Arnold.
5. Gardner, C. R. (2007). Motivation and second language acquisition. *Porta Linguarum*, 8, pp. 9 – 20
6. Harmer, J. (2007). *The practice of English language teaching (4<sup>th</sup> ed)*. Longman
7. Hoàng, V. V. (2008). Những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo tiếng Anh không chuyên ở Đại học Quốc gia Hà Nội. *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Ngoại ngữ*, 24, pp. 22 - 37
8. Kaboody, A. M. (2013). Second language motivation: the role of teachers in learners' motivation. *Journal of Academic and Applied Studies*, 3(4), pp. 45-54
9. Oxford, R., & Shearin, J. (1994). Language learning motivation: Expanding the theoretical framework. *The Modern Language Journal*, 1 (78), pp. 12-28.
10. Richards, J. (2001) *Curriculum Development in Language Teaching*, Cambridge: Cambridge University Press.
11. Richards, J., Platt, J. and Webber, H. (1985). *Longman Dictionary of Applied Linguistics*. Essex: Longman Group Limited.
12. Schmidt, R., & Watanabe, Y. (2001). *Motivation, strategy use, and pedagogical preferences in foreign language learning*. In Z. Dörnyei & R. Schmidt (Eds.), *Motivation and second language acquisition* (Technical Report #23, pp. 313–359). Honolulu: University of Hawai'i, Second Language Teaching and Curriculum Center.